

Câu 10: Tính nhanh giá trị biểu thức $36^2 - 31^2$:

A. 342

B. 335

C. 344

D. 328

Câu 11: Phân tích đa thức $2x^2 + 8x$ thành nhân tử, ta được:

A. $2x(x + 8)$

B. $2(x^2 + 4x)$

C. $x(2x + 4)$

D. $2x(x + 4)$

Câu 12: Phân tích đa thức $x^2 + 10x + 24$ thành nhân tử, ta được:

A. $(x + 4)(x + 6)$

B. $(x - 4)(x - 6)$

C. $x(x + 10)$

D. $(x + 4)^2$

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 7. Câu 1–5: trả lời ngắn (ghi đáp số); câu 6–7: tự luận (trình bày lời giải).

Câu 1: Thu gọn $3x^2 + 4x^2$ ta được biểu thức có hệ số bằng: Trả lời:

Câu 2: Hệ số tự do trong khai triển $(x - 2)^2$ bằng: Trả lời:

Câu 3: Bậc của đa thức $7x^4y^2 - 4xy + 2$ là: Trả lời:

Câu 4: Bậc của đơn thức $5x^5y^2$ là: Trả lời:

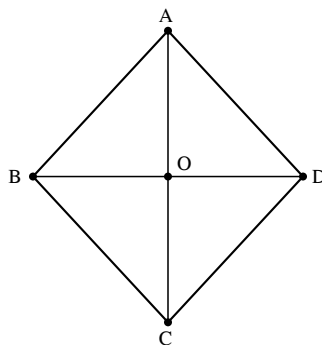
Câu 5: Bậc của đơn thức $5x^4y^1$ là: Trả lời:

Câu 6: Cho hình bình hành ABCD có $AB = BC$. Hai đường chéo AC và BD cắt nhau tại O.

a) Chứng minh ABCD là hình thoi.

b) Chứng minh AC vuông góc với BD.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)

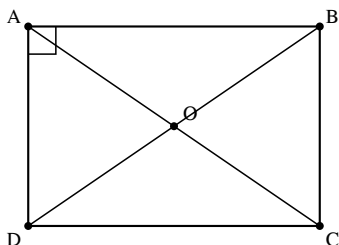


Câu 7: Cho hình bình hành ABCD có góc $A = 90^\circ$. Hai đường chéo AC và BD cắt nhau tại O.

a) Chứng minh tứ giác ABCD là hình chữ nhật.

b) Chứng minh $OA = OB = OC = OD$.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)



----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO — Đề thi thử khảo sát chất lượng môn Toán lớp 8 —
Đề số 7

Phần I. Trắc nghiệm 4 phương án

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	A	A	C	B	A	A	A	A	B	D	A

Phần II. Tự luận

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	7	4	6	7	5	(TL)	(TL)

* Lời giải chi tiết từng câu chỉ hiển thị sau khi mở khoá đáp án của đề (hoặc mua trọn bộ).